TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** TỈNH LONG AN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 30 – 6 – 2023
V/v "tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH LONG AN

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thật

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Lý

2. Ông Võ Thành Trung

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Võ Thị Thanh Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An.

Trong ngày 30 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 57/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2023 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Đinh Thị Phượng L**, sinh năm 1984; Địa chỉ: Ấp T2, xã T1, huyện Ch, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Ngọc C**, sinh năm 1985; Địa chỉ: Ấp H, xã Th, huyện T, tỉnh Long An.

Bà L và ông C vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – bà Đinh Thị Phượng L: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà L trình bày:

Bà L và ông C được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Th, huyện T, tỉnh Long An vào ngày 25/8/2010. Trong quá trình chung sống, vợ chồng có 02 người con chung tên Nguyễn Ngọc Kim N, sinh ngày 24/11/2009 và Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 20/8/2015. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, tuy nhiên về sau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do tính tình hai bên không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cải vã, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Nay, bà L nhận thấy mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn, bà L không còn tình cảm với ông C nên yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Bà L yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Ngọc C.

- Về con chung: Bà L yêu cầu nuôi 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Kim N, sinh ngày 24/11/2009 và Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 20/8/2015. Không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con. Ngân và Đạt hiện đang sống với bà L.

- Về tài sản và nợ: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Yêu cầu, đề nghị của bị đơn – ông Nguyễn Ngọc C: Ông C đã được Tòa án nhân dân huyện T triệu tập hợp lệ đúng quy định của pháp luật nhưng ông C vắng mặt không có lý do và không có ý kiến hay văn bản đề nghị gửi cho Tòa án. Do đó, Tòa án nhân dân huyện T tiến hành các thủ tục tố tụng để đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bà Đinh Thị Phượng L và ông Nguyễn Ngọc C có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Th, huyện T vào năm 2010 nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Bà L khởi kiện yêu cầu ly hôn, nuôi con khi ly hôn, đây là quan hệ pháp luật được quy định tại Luật Hôn nhân và gia đình, ông C cư trú trên địa bàn thuộc huyện T, tỉnh Long An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc giải quyết vắng mặt bà Đinh Thị Phượng L và ông Nguyễn Ngọc C: Xét thấy, bà L có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, ông C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành giải quyết vắng mặt bà L và ông C.

[3] Về hôn nhân giữa bà Đinh Thị Phượng L và ông Nguyễn Ngọc C:

Xét thấy, bà Đinh Thị Phượng L trình bày nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình và quan điểm sống của vợ chồng không hợp nhau, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên vợ chồng thường xuyên cãi vã. Bà L và ông C đã sống ly thân từ cuối năm 2022. Bà L xác định mâu thuẫn giữa bà L và ông C là không thể hàn gắn được, hiện tại bà L không còn quan tâm đến cuộc sống của ông C, bà L không còn tình cảm với ông C nên yêu cầu được ly hôn.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông C vắng mặt không tham gia tố tụng tại Tòa án và cũng không có ý kiến phản bác lời trình bày của bà L. Quá trình Tòa án giải quyết, ông C cũng không có hành động biểu hiện thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Như vậy, lời trình bày của bà L về tình trạng mâu thuẫn giữa bà L với ông C là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở khẳng định tình cảm vợ chồng giữa bà L và ông C không còn, tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L đối với ông C.

[4] Về con chung: Bà L và ông C có hai con chung tên Nguyễn Ngọc Kim N, sinh ngày 24/11/2009 và Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 20/8/2015. Khi ly hôn, bà L yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy, con chung hiện đang sống ổn định với bà L, cháu Ngân có nguyện vọng được sống với mẹ. Ông C vắng mặt và không có văn bản ý kiến nào phản bác đối với đề nghị của bà L về việc nuôi dưỡng con chung. Do đó, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu nuôi dưỡng con chung của bà L. Bà L được quyền nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Ngọc Kim N và Nguyễn Thành Đ. Bà L không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung nên Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[5] Về tài sản và nợ: Bà L không yêu cầu Toà án giải quyết, ông C không có văn bản thể hiện yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Bà Đinh Thị Phượng L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị Phượng L đối với ông Nguyễn Ngọc C.

1. Về hôn nhân: Cho bà Đinh Thị Phượng L được ly hôn với ông Nguyễn Ngọc C.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Ngọc Kim N, sinh ngày 24/11/2009 và Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 20/8/2015 cho bà L nuôi dưỡng. Ông C không phải cấp dưỡng nuôi con chung. (Hai con chung hiện đang sống với bà L).

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản và nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này.

4. Về án phí: Bà Đinh Thị Phượng L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung vào ngân sách Nhà nước. Chuyển số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí mà bà L đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009032 ngày 05 tháng 4 năm 2023 (theo thông báo nộp tiền tạm ứng án phí số 71/TB – TA ngày 04/4/2023) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Long An sang thi hành án phí. Bà L đã nộp xong án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Ông Nguyễn Ngọc C không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bà L và ông C vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

6. Về việc thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện T;
- CC THADS huyện T;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thật